TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 628/2017/HS-PT
Ngày: 29 - 11 -2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trung Tuấn

Các thẩm phán: Bà Trần Thị Thu Thủy

Ông Đặng Quốc Khởi

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Tấn Duy Minh, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Ông Phạm Văn Nhàn, Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 319/2017/HSPT-TL ngày 28 tháng 6 năm 2017 đối với các bị cáo Tô Ngọc Hồng V và Bùi Văn K phạm tội "Sản xuất hàng giả" do có kháng cáo của các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 175/2017/HSST ngày 22/5/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: **Tô Ngọc Hồng V;** Sinh năm: 1988; tại: TP. Hồ Chí Minh; HKTT và chỗ ở: 4/34A, ấp N, xã T, huyện H, TP. Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Kế toán; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông: Tô Văn Đ, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1969; Hoàn cảnh gia đình: Có chồng và 02 con, nhỏ sinh năm 2015, lớn sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại (có mặt).

2. Họ và tên: **Bùi Văn K;** Sinh năm: 1988 tại: Nghệ An; HKTT: Xóm 6, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An; Chỗ ở: Nhà không số, đường ĐHT02, Phường Đ, Quận M, TP. Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông Bùi Văn L, sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1958; Hoàn cảnh gia đình: Có Vợ và 02 con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giam từ ngày 06/7/2016 (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty TNHH Sản xuất Thương mại H;

Địa chỉ: 1/8 đường P, ấp N, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Phan T (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Công T (theo Giấy ủy quyền ngày 27/11/2017 – có mặt).

2. Công ty cổ phần nhựa B;

Địa chỉ: 240 đường H, Phường C, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hoàng N (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh H (theo Giấy ủy quyền ngày 05/10/2017 - có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Tô Ngọc Hồng V: Luật sư Nguyễn Thanh L (vắng mặt) và Luật sư Hoàng Tư L (có mặt) cùng thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Tô Ngọc Hồng V.

Trong vụ án này còn có các bị cáo Nguyễn Hữu A, Nguyễn Hữu T, Bùi H và Nguyễn Xuân L không có kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo của các bị cáo nên tòa án cấp phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và nội dung bản án của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành vi sản xuất hàng giả của Tô Ngọc Hồng V, Nguyễn Hữu A, Nguyễn Hữu T, Bùi Văn K và Nguyễn Xuân L.

Ngày 06/7/2016, tại kho không số, đường Nguyễn Thị N, ấp T, xã T, huyện H, TP. Hồ Chí Minh, lực lượng Công an TP. Hồ Chí Minh bắt quả tang Nguyễn Hữu T và Bùi Văn K đang vận hành máy in nhãn hiệu B lên các loại ống nhựa và bốc xếp lên xe tải biển số 51C-680.92 do Nguyễn Xuân L làm tài xế. Tang vật tạm giữ gồm 353 ống nhựa các loại giả nhãn hiệu B, 01 hệ thống máy in phun tự động và các dụng cụ, thiết bị dùng để in giả nhãn hiệu ống nhựa B.

Quá trình điều tra xác định xưởng sản xuất ống nhựa giả nhãn hiệu B nêu trên là của Nguyễn Hữu A. Từ khoảng tháng 3/2016, Nguyễn Hữu A và Tô Ngọc Hồng V (là kế toán của Công ty H ở Hóc Môn) thỏa thuận cùng nhau sản xuất ống nhựa giả nhãn hiệu B. Theo đó, A tìm trên mạng mua máy móc, thiết bị in tự động, lắp đặt, thuê Nguyễn Hữu T và Bùi Văn K vận hành máy; V cung cấp các loại ống nhựa chưa in nhãn hiệu mua từ Công ty H, thuê Nguyễn Xuân L vận chuyển bằng xe tải giao cho A tổ chức in giả nhãn hiệu B lên các ống nhựa này. Tùy theo kích cỡ, V trả cho A từ 2.000 đồng đến 6.000 đồng một sản phẩm ống nhựa giả nhãn hiệu B. Ngoài ra, V còn trả cho A khoảng 2.000.000 đồng đến 3.000.000đ/tháng tiền công quản lý, tổ chức việc sản xuất ống nhựa giả nhãn hiệu B. A trả tiền công cho Nguyễn Hữu T và Bùi Văn K từ 1.200 đồng

đến 2.500 đồng một sản phẩm, tùy theo kích cỡ. Số lượng, chủng loại ống nhựa giả nhãn hiệu B do đối tượng T (chưa rõ lai lịch) đặt hàng cho V, sau đó V thông báo cho A sản xuất theo đơn đặt hàng này. Hàng giả sau khi sản xuất xong, V thuê Nguyễn Xuân L hoặc Nguyễn Chí T vận chuyển giao cho khách hàng tại các địa chỉ theo yêu cầu của T.

Căn cứ vào lời khai của Nguyễn Hữu A và người trực tiếp sản xuất là Nguyễn Hữu T và Bùi Văn K thì trung bình mỗi tuần sản xuất khoảng từ 02 đến 03 chuyến hàng với khoảng 1.000 đến 1.500 sản phẩm, như vậy từ khoảng giữa tháng 4/2016 đến đầu tháng 7/2016, V, A đã tổ chức cho T, K sản xuất khoảng 10.000 đến 15.000 sản phẩm ống nhựa các loại giả nhãn hiệu B. K, T được A trả lương tổng cộng khoảng 12.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng/người; A được trả công quản lý khoảng 11.000.000đ; V khai mỗi chuyến hàng sau khi trừ hết các chi phí, V được T trả 500.000đ/chuyến hàng. Như vậy với số lương hàng trên V được hưởng khoảng 15.000.000 đồng; Nguyễn Xuân L khai được V trả lương khoảng 7.000.000 đồng. Toàn bộ số hàng giả này được T chỉ định giao cho Công ty S ở N, Công ty H ở Hóc Môn, Công ty H ở Quận M, giao cho một số khách hàng ở các tỉnh Miền Tây thông qua các Chành xe như Chành Tửng, Chành Lượm...

Cơ quan điều tra đã thu giữ được tổng cộng 1.876 sản phẩm ống nhựa giả nhãn hiệu Bình Minh các loại, gồm số hàng bắt quả tang 353 sản phẩm; thu của Công ty S ở Nhà Bè 1.193 sản phẩm; Công ty H ở Quận 12 số lượng 200 sản phẩm; Công ty H ở Hóc Môn 130 sản phẩm.

Cơ quan điều tra đã ra quyết định trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an TP. Hồ Chí Minh giám định số hàng hóa thu giữ nêu trên, kết quả xác định bản in ống nhựa hiệu B trên mẫu cần giám định không giống bản in ống nhựa hiệu B trên mẫu cần so sánh.

Căn cứ bảng giá do Công ty Cổ phần nhựa B (*gọi tắt là: Công ty B*) cung cấp, toàn bộ số hàng hóa thu giữ nêu trên trị giá tương đương số lượng hàng thật 389.383.280 đồng. Trong đó số hàng bắt quả tang trị giá 85.976.880 đồng., số hàng tạm giữ của Công ty S trị giá 275.168.960 đồng, số hàng tạm giữ của Công ty H trị giá 8.008.880 đồng, số hàng tạm giữ của Công ty H trị giá 20.228.560 đồng.

Mặc dù các bị can Nguyễn Hữu A, Nguyễn Hữu T, Bùi Văn K khai đã sản xuất khoảng 15.000 sản phẩm ống nhựa giả nhãn hiệu B, nhưng Cơ quan điều tra không thu giữ được số hàng này nên không giám định được, cũng không có tài liệu, chứng từ, không xác minh được người mua hàng, do đó không đủ cơ sở quy buộc các bị can sản xuất hàng giả đối với số hàng này.

Căn cứ vào số hàng hóa thu giữ được và kết quả giám định đối với số hàng này, đủ cơ sở xác định Tô Ngọc Hồng V, Nguyễn Hữu A, Nguyễn Hữu T, Bùi Văn K và Nguyễn Xuân L sản xuất 1.876 sản phẩm ống nhựa giả nhãn hiệu B, trị giá tương đương hàng thật là 389.383.280 đồng.

2. Hành vi buôn bán hàng giả của ông B – Giám đốc Công ty S.

Doanh nghiệp S là Đại lý cấp 2 của Công ty Cổ phần nhựa B, chuyên kinh doanh các loại ống nhựa chính hãng Bình Minh. Khoảng tháng 6/2016, có đối tượng tên Trinh đến giới thiệu sản phẩm ống nhựa gần giống ống nhựa nhãn hiệu B chính hãng, nên ông B đã mua của T 6 lần với số lượng 2.165 sản phẩm, số tiền thanh toán là 390.361.120đ, số hàng này được T cho người vận chuyển bằng xe tải biển số 51C-680.92 giao tại kho của Công ty S ở Nhà Bè, B trả tiền mặt cho tài xế giao hàng. Số hàng này, B bán cho các khách hàng vãng lai, không rõ lai lịch, địa chỉ được 1.010 sản phẩm, với tổng số tiền là 186.505.600 đồng, thu lợi 11.043.320 đồng.

Số hàng còn lại 1.193 sản phẩm, ngày 07/7/2016, B giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Kết quả giám định xác định số hàng này là hàng giả nhãn hiệu B, trị giá tương đương hàng thật là 275.168.960 đồng.

Mặc dù bị can B khai đã mua khoảng 2.165 sản phẩm ống nhựa giả nhãn hiệu B từ đối tượng tên T, nhưng chỉ thu giữ và giám định được 1.193 sản phẩm là hàng giả, do đó chỉ có cơ sở quy buộc B buôn bán 1.193 sản phẩm giả, trị giá tương đương với hàng thật là 275.168.960 đồng.

- Đối với Công ty H đã mua số hàng giả trị giá tương đương với hàng thật là 20.228.560 đồng; Công ty H mua số hàng hàng giả trị giá 8.008.880 đồng, nhưng do trị giá số hàng giả chưa đủ 30.000.000 đồng, nên không đủ định lương để truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Đối với đối tượng T và các đối tượng mua hàng thông qua Chành Tửng, Chành Lượm, Công ty S, do chưa xác định được lai lịch địa chỉ nên không có cơ sở truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Đối với P là giám đốc Công ty TNHH Sản xuất thương mại H (*gọi tắt là Công ty H*) quá trình điều tra không có cơ sở chứng minh T cấu kết, thông đồng với Tô Ngọc Hồng V trong việc sản xuất ống nhựa giả nhãn hiệu B nên không có cơ sở truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Đối với Nguyễn Chí T được V, T thuê vận chuyển giao hàng giả cho cho B. Tuy nhiên, quá trình điều tra không xác định được số hàng thu giữ của B có phải do T vận chuyển hay không nên không có đủ cơ sở truy cứu trách nhiệm hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 175/2017/HSST ngày 22/5/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Tô Ngọc Hồng V, Bùi Văn K phạm tội "Sản xuất hàng giả".

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 156, điểm p, g khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ Luật hình sự.

1. Xử phạt bị cáo Tô Ngọc Hồng V 04 (Bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 156, điểm p, g khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 53 Bộ Luật hình sự.

Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự, Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- 01 xe ô tô tải (có mui), số loại: HD65, biển kiểm soát: 51C – 680.92, NHÃN HIỆU: HYUNDAI, SK: KMFGA17BPAC-119527, SM: D4DB9-399685 (SK, SM ghi nhận theo đăng ký xe bản photo do PC46 cung cấp, bản chính theo hồ sơ vụ án).

2. Xử phạt bị cáo Bùi Văn K 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/7/2016.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về tội danh và hình phạt của các bị cáo Nguyễn Hữu A, Nguyễn Xuân L, Nguyễn Hữu T và B; phần án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 23/5/2017, bị cáo Nguyễn Hữu A kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và ngày 2/6/2017, bị cáo Nguyễn Hữu A có xin rút toàn bộ nội dung kháng cáo.

Ngày 24/5/2017, bị cáo Tô Ngọc Hồng V kháng cáo xin xem xét lại mức hành phạt.

Ngày 25/5/2017, bị cáo Nguyễn Xuân L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và ngày 13/10/2017, bị cáo Nguyễn Xuân L xin rút toàn bộ nội dung kháng cáo.

Ngày 31/5/2017, ông Phan Thanh T là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH sản xuất thương mại H kháng cáo yêu cầu được nhận lại chiếc xe biển số 51C-680.92.

Ngày 9/6/2017, bị cáo Bùi Văn K kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 14/6/2017, ông Nguyễn Hoàng N là người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần nhựa B kháng cáo yêu cầu hủy toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm để xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Tô Ngọc Hồng V giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ một phần hình phạt với lý do: Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã nộp toàn bộ số tiền theo bản án sơ thẩm đã tuyên, hiện nay bị cáo là lao động chính trong gia đình, bị cáo trực tiếp nuôi mẹ già và hai con nhỏ, bị cáo và chồng bị cáo đã ly thân.

Bị cáo Bùi Văn K xin giảm nhẹ hình phạt với lý do: Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù là quá nặng.

Công ty TNHH sản xuất thương mại H do ông Võ Công T làm đại diện theo ủy quyền giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin nhận lại chiếc xe ô tô mang biển số 51C-680.92 với lý do: Chiếc xe này là của Công ty H cho ông Nguyễn Chí T thuê, ông T giao xe cho Nguyễn Xuân L (em ruột ông T) chở hàng giả phía công ty hoàn toàn không biết.

Công ty Cổ phần nhựa B do ông Nguyễn Thanh H đại diện theo ủy quyền giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để điều tra xét xử lại với lý do: Tòa án cấp sơ thẩm không triệu tập Công ty B tham gia phiên tòa sơ thẩm trong khi Công ty B là đơn vị bị làm giả hàng hóa.

Đại diện Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm sau khi phân tích tính chất vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo Tô Ngọc Hồng V và bị cáo Bùi Văn K cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất vụ án, áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ xử phạt các bị cáo mức án trên là phù hợp nên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của hai bị cáo.

Đối với kháng cáo xin hủy bản án sơ thẩm của Công ty B đại diện Viện kiểm sát cho rằng: Yêu cầu hủy án sơ thẩm là không có căn cứ, bởi lẽ trong quá trình tố tụng Công ty B không yêu cầu bồi thường, khi xét xử tòa án đã gửi giấy triệu tập đến địa chỉ của công ty nhưng đại diện công ty vắng mặt. Về kháng cáo xin nhận lại chiếc xe ô tô mang biển số 51C-680.92 của Công ty H, yêu cầu này là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm trả lại chiếc xe này cho Công ty H vì công ty hoàn toàn không biết việc chở hàng giả.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Tô Ngọc Hồng V thì thống nhất tội danh, điều luật Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng, luật sư chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ mới như: Bị cáo đã khắc phục hoàn toàn hậu quả, hiện nay bị cáo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, là lao động chính trong gia đình trực tiếp nuôi mẹ già và 02 con còn quá nhỏ, đề nghị giảm án cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, luật sư và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ khoảng tháng 3/2016, Nguyễn Hữu A và Tô Ngọc Hồng V (là kế toán của Công ty H ở Hóc Môn) thỏa thuận cùng nhau sản xuất ống nhựa giả nhãn hiệu B. Theo đó, Nguyễn Hữu A tìm trên mạng mua máy móc, thiết bị in tự động, lắp đặt, thuê Nguyễn Hữu T và Bùi Văn K vận hành máy; Tô Ngọc Hồng V cung cấp các loại ống nhựa chưa in nhãn hiệu mua từ Công ty H, thuê Nguyễn Xuân L vận chuyển bằng xe tải giao cho Nguyễn Hữu A tổ chức in giả nhãn hiệu B lên các ống nhựa này. Tùy theo kích cỡ, bị Tô Ngọc Hồng V trả cho Nguyễn Hữu A từ 2.000 đồng đến 6.000 đồng một sản phẩm ống nhựa giả nhãn hiệu B. Ngoài ra, Tô Ngọc Hồng V còn trả cho Nguyễn Hữu A khoảng 2.000.000 đồng đến 3.000.000đ/tháng tiền công quản lý, tổ chức việc sản xuất ống nhựa giả nhãn hiệu B. Nguyễn Hữu A trả tiền công cho Nguyễn Hữu T và Bùi Văn K từ 1.200 đồng đến 2.500 đồng một sản phẩm, tùy theo kích cỡ. Số lượng, chủng loại ống nhựa giả nhãn hiệu B do đối tượng T (chưa rõ lai lịch) đặt hàng cho Tô Ngọc Hồng V, sau đó Tô Ngọc Hồng V thông báo cho Nguyễn Hữu A sản xuất theo đơn đặt hàng này. Hàng giả sau khi sản xuất xong, Tô Ngọc Hồng V thuê Nguyễn Xuân L hoặc Nguyễn Chí T vận chuyển giao cho

các Công ty S ở Nhà Bè, Công ty H ở H, Công ty H ở Quận 12 … theo yêu cầu của T.

Căn cứ số lượng hàng giả thu giữ, xác định Nguyễn Hữu A, Tô Ngọc Hồng V, Nguyễn Hữu T, Bùi Văn K, Nguyễn Xuân L đã sản xuất 1.876 ống nhựa B giả các loại, trị giá tương đương hàng thật 389.383.280 đồng.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết các bị cáo phạm tội "Sản xuất hàng giả" theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 156 Bộ luật hình sự là có căn cứ. Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo Nguyễn Hữu T không có kháng cáo. Các bị cáo Nguyễn Hữu A, Nguyễn Xuân L kháng cáo nhưng đã có đơn xin rút lại kháng cáo và Tòa án cấp phúc thẩm cũng đã ra thông báo về việc rút kháng cáo của các bị cáo, xem như các bị cáo không kháng cáo.

Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của của bị cáo Tô Ngọc Hồng V, bị cáo Bùi Văn K. Hội đồng xét xử xét thấy hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền bảo hộ của Nhà nước, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của các cơ quan chức năng, thiệt hại về lợi ích vật chất của người tiêu dùng và uy tín đối với đơn vị bị làm hàng giả, phân phối độc quyền các sản phẩm của họ, do đó cần phải xử phạt nghiêm để răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Khi lượng hình Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo như: Các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, khai báo thành khẩn, hàng hóa các bị cáo sản xuất chưa được xuất bán ra thị trường nên hậu quả có phần hạn chế.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, bị cáo Bùi Văn K xin giảm án đã xuất trình biên lai nộp lại số tiền thu lợi bất chính, đây là tình tiết giảm nhẹ mới. Tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù là đã chiếu cố cho bị cáo nên không có căn cứ giảm án cho bị cáo. Đối với bị cáo Tô Ngọc Hồng V đã xuất trình biên lai nộp tiền khắc phục hậu quả, bị cáo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, là lao động chính trong gia đình trực tiếp nuôi mẹ già khuyết tật và 02 con nhỏ. Xét thấy đây là tình tiết giảm nhẹ mới và để thể hiện tính nhân đạo của pháp luật xã hội chũ nghĩa, nên giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Về kháng cáo yêu cầu hủy án sơ thẩm của Công ty B. Xét thấy, yêu cầu này là không có căn cứ chấp nhận, bởi lẽ trong suốt quá trình tố tụng Công ty B không có yêu cầu gì. Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã gửi giấy triệu tập về địa chỉ của Công ty B. Công ty B có quyền khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại bằng một vụ kiện khác theo quy định của pháp luật.

Đối với kháng cáo của Công ty H yêu cầu được nhận lại chiếc xe ô tô mang biển số 51C-680.92. Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng chiếc xe ô tô mang biển 51C-680.92 là tang vật của vụ án nên tịch thu sung quỹ Nhà nước là không có căn cứ, bởi lẽ: Chiếc xe ô tô mang biển 51C-680.92 do Công ty H là chủ sở hữu cho Nguyễn Chí T thuê, Nguyễn Chí T giao xe cho em mình là Nguyễn Xuân L lái, Công ty H hoàn toàn không biết L chở hàng giả. Do đó, kháng cáo của Công ty H là có căn cứ, nên được chấp nhận.

Từ những nhận định trên không chấp nhận kháng cáo xin giảm án của bị cáo Bùi Văn K và kháng cáo hủy án của Công ty B. Chấp nhận kháng cáo xin giảm án của bị cáo Tô Ngọc Hồng V và kháng cáo của Công ty H, sửa một phần bản án sơ thẩm.

Ý kiến của luật sư bào chữa cho bị cáo V và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định trên nên được chấp nhận. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo K phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm, Công ty B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Công ty H và bị cáo V không phải chịu án phí phúc thẩm.

Bởi các lẽ trên,

Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự;

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo xin giảm án của bị cáo Bùi Văn K và kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm của Công ty cổ phần nhựa B.

Chấp nhận kháng cáo xin giảm án của bị cáo Tô Ngọc Hồng V và kháng cáo xin nhận lại tài sản của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại H. Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 175/2017/HSST ngày 22/5/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên bố: Các bị cáo Tô Ngọc Hồng V, Bùi Văn K phạm tội "Sản xuất hàng giả".

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 156, điểm p, g khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ Luật hình sự.

- Xử phạt: Bị cáo **Tô Ngọc Hồng V 03 (Ba) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 156, điểm p, g khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 53 Bộ Luật hình sự.

- Xử phạt: Bị cáo **Bùi Văn K 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 06/7/2016.

Áp dụng khoản 2 Điều 41 Bộ luật hình sự.

- Trả lại: 01 xe ô tô tải (có mui), số loại: HD65, biển kiểm soát: 51C – 680.92, NHÃN HIỆU: HYUNDAI, SK: KMFGA17BPAC-119527, SM: D4DB9-399685 (SK, SM ghi nhận theo đăng ký xe bản photo do PC46 cung cấp, bản chính theo hồ sơ vụ án) cho Công ty TNHH Sản xuất Thương mại H.

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Về án phí phúc thẩm: Bị cáo Bùi Văn K phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm. Công ty Cổ phần nhựa B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
– Tòa án nhân dân tối cao;
– VKSNDCC tại Tp Hồ Chí Minh;
– TAND thành phố Hồ Chí Minh;
– VKSND thành phố Hồ Chí Minh;
– Cục THADS thành phố Hồ Chí Minh;
– Công an thành phố Hồ Chí Minh;
– Sở Tư pháp thành phố Hồ Chí Minh;
– Trại tạm giam CA TP Hồ Chí Minh (1);
– Trại tạm giam CA TP Hồ Chí Minh;
(Để tống đạt cho các bị cáo)(2);
– NLQ (2);
– Lưu hồ sơ vụ án (3). HS (2) 17b (án36)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Trung Tuấn